

Bản án số: 05/2018/HS-ST

Ngày: 23 – 2 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Trinh

Ông Lê Văn Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 2 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2017/TLST-HS ngày 31 – 10 – 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Đình T** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 16 tháng 4 năm 1982 tại xã G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng C và bà Nguyễn Thị N; có vợ: Nguyễn Thị H (hiện nay đã bỏ đi không rõ ở đâu) và 02 con (Con lớn sinh năm 2006, con bé sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Viết Q** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 20 tháng 01 năm 1990 tại xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: trồng chè; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Viết L và bà Nguyễn Thị T1; có vợ: Đậu Thị C1 và 02 con (Con lớn sinh năm 2009, con bé sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: bị tạm giữ từ ngày 09 – 7 – 2017 đến ngày 11 – 7 – 2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt

Người bị hại:

1. Anh Hoàng Văn M

Sinh ngày 23 tháng 02 năm 1997; Nơi cư trú: Thôn K, xã G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt

2. Anh Trần Văn T2

Sinh ngày: 02 tháng 9 năm 1982; Nơi cư trú: Thôn K, xã G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn H1

Sinh ngày 10 tháng 6 năm 1979; Nơi cư trú: Thôn K, xã G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 09 – 7 – 2017, sau khi uống bia say tại nhà của anh Nguyễn Văn T3 ở xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, Hoàng Đình T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xanh đen, biển kiểm soát 38K1 – 36005 (của Trần Viết Q) chở theo Trần Viết Q đi theo đường liên xã từ T về xã G. Trên đường đi, T ghé vào trại nuôi ong của anh Nguyễn Văn H1 ở thôn K, xã G, huyện K để lấy số tiền 1.000.000đ mà trại nuôi ong, do em trai anh H1 trực tiếp hứa cho để ủng hộ đội bóng đá của tổ công nhân được T thỉnh thoảng gọi đến bốc vác vật liệu nuôi ong cho trại. Sau khi vào trại, em trai anh H1 đi vắng không lấy được tiền, T và Q chửi anh H1 và những người có mặt ở đó rồi ra về. Trên đường về T tiếp tục điều khiển xe chở Q đi đến trại nuôi ong của anh Trần Văn H2 ở thôn K, xã G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, lúc này trại ong có 02 người công nhân nuôi ong là anh Trần Văn T1 và anh Hoàng Văn M đang ngủ ở đây. T rút một chiếc gậy sắt 3 khúc (theo T trình bày là gậy chống của bố T bị bỏ quên trong túi quần của T từ buổi chiều khi T đưa bố đi khám bệnh) rồi cùng Q đi vào trại gọi anh T1 và anh M dậy và nói cho vài trăm ăn cháo đêm. Anh T1 và anh M không có tiền cho nên T dùng lời lẽ, còn Q nhặt một chiếc dao bầu ở bếp trong trại và dùng lời lẽ đe dọa, chửi bới, yêu cầu anh M gọi điện cho anh Trần Văn H2 chủ trại nuôi ong. Khi anh M gọi điện thoại cho anh H2 và đưa máy cho T nghe nhưng không có ai trả lời nên T lấy luôn điện thoại của anh M bỏ vào túi quần của mình và nói với anh M là “Khi nào có tiền thì đến chuộc lại điện thoại” rồi T cho M số điện thoại của T, sau đó lên xe bỏ đi. Khi đi được một đoạn thì T

quay lại trại của anh M và xóa số điện thoại lúc này T đã cho. Đến 09 giờ sáng ngày 09 – 7 – 2017 thì T và Q đến Công an huyện K đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/HĐĐG ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu MI, vỏ màu vàng, cảm ứng, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 1.550.000đ (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)

Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô, hiệu Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát 38K1 – 36005.

- 01 điện thoại nhãn hiệu MI, vỏ màu vàng, cảm ứng.

- 01 con dao bầu, đầu tày, cán bằng gỗ, chiều dài 41cm, phần cán bằng gỗ được bọc hai đầu bằng vòng sắt dài 11,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 29,5cm, phần rộng nhất là 6,9cm, hẹp nhất là 2cm, phần cuối của lưỡi dao có một lỗ nhỏ đường kính 1cm.

Chiếc điện thoại đã được cơ quan điều tra Công an huyện Kỳ Anh trả cho chủ sử dụng.

Đối với chiếc gậy ba khúc bằng kim loại thì trên đường đi về T đã đánh rơi dọc đường, quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Anh đã tiến hành truy tìm nhưng không thu được.

Hoàng Đình T và Trần Viết Q khai nhận hành vi, diễn biến sự việc đúng như Viện kiểm sát truy tố. Anh Hoàng Văn M, anh Trần Văn T1, anh Nguyễn Văn H1 đều có lời khai phù hợp với lời khai của T và Q.

Tại bản Cáo trạng số 33/CTr-KSĐT ngày 27 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để xét xử Hoàng Đình T và Trần Viết Q về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ tiếp tục khẳng định nội dung vụ án như Cáo trạng đã kết luận, giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 135, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 20, 53, Điều 60, đối với Hoàng Đình T áp dụng thêm Điểm b Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Hoàng Đình T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng, thử thách từ 30 đến 36 tháng; xử phạt Trần Viết Q từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ Luật hình sự, các Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước

chiếc xe mô tô hiệu SIRIUS màu xanh đen, biển kiểm soát 38K1 – 36005, tịch thu tiêu hủy con dao bầu hiện nay không còn giá trị sử dụng.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo buộc Hoàng Đình T, Trần Viết Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T, Q tranh luận thừa nhận hành vi và tội phạm của mình, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về tố tụng: Các hành vi và các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cơ bản đảm bảo hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình. Lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của anh Hoàng Văn M, anh Trần Văn T1, anh Nguyễn Văn H1, phù hợp với các vật chứng đã thu giữ và kết luận định giá tài sản, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 7 năm 2017, Hoàng Đình T và Trần Viết Q vào trang trại nuôi ong của anh Trần Văn H2 ở thôn K, xã G, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xin anh Hoàng Văn M và anh Trần Văn T1 tiền để ăn cháo đêm. Do anh M và anh T1 không có tiền nên T và Q cầm gậy sắt và dao đồng thời dùng lời lẽ đe dọa buộc anh M và anh T1 gọi điện cho anh H2, chủ trại. Khi anh M gọi điện cho anh H2 và đưa điện thoại cho T nghe thì T cầm điện thoại bỏ vào túi quần của mình và nói khi nào có tiền thì gặp T chuộc lại. Chiếc điện thoại di động bị chiếm đoạt trị giá 1.550.000đ (*một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*). Hành vi của Hoàng Đình T và Trần Viết Q đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại Khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999, quyết định truy tố của Viện kiểm sát hoàn toàn chính xác.

[3]. Về hình phạt: Hành vi của T và Q xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự, hoang mang lo lắng cho cộng đồng. Tuy nhiên giá trị tài sản mà T và Q chiếm đoạt không lớn. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, T là người khởi xướng, đồng thời là người thực hành, còn Q là người thực hành, việc quyết định hình phạt đối với T và Q phải căn cứ vào Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 để cá thể hóa hình phạt phù hợp với vai trò, hành vi của từng bị cáo. Sau khi phạm tội, T và Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, hành vi của T và Q chỉ gây thiệt hại về

tài sản và được người bị hại đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, khi đầu thú T đã tự nguyện nộp cho cơ quan Công an chiếc điện thoại bị chiếm đoạt để khắc phục hậu quả và sau đó bồi thường cho anh M 1.000.000đ. T có thời gian tham gia quân đội, sau khi xuất ngũ tiếp tục làm sĩ quan dự bị động viên và tham gia lực lượng cơ động của Công an xã tại nơi cư trú, ngoài ra T có mẹ (bà Nguyễn Thị N) được tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong, hoàn cảnh gia đình T hiện tại khó khăn do vợ T bỏ đi không rõ tung tích để lại hai con nhỏ cho T chăm sóc nuôi dưỡng. Cho nên T được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại các Điểm b, p Khoản 1 và bốn tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 của Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, còn Q được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm p Khoản 1 và hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 của Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Về nhân thân, từ trước đến khi có hành vi vi phạm pháp luật này, cả hai bị cáo T, Q chưa có vi phạm gì, T tích cực tham gia các phong trào xây dựng quê hương được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, khả năng cải tạo giáo dục của các bị cáo có thể cho hai bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng, thử thách từ 30 đến 36 tháng; xử phạt Q từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 24 đến 30 tháng là phù hợp, tương xứng.

[4]. Về vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu SIRIUS màu xanh đen, biển kiểm soát 38K1 – 36005 là của Q được sử dụng làm phương tiện phạm tội cho nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước, chiếc dao bầu được sử dụng làm công cụ phạm tội nay không còn giá trị sử dụng cho nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 và các Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5]. Về dân sự: Người bị hại là anh Hoàng Văn M và anh Trần Văn T1 không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, miễn xét.

[6]. Về án phí: Mỗi bị cáo T, Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[7]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo T, Q có mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Anh M, anh T1 vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Đình T, Trần Viết Q phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 135, các Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Hoàng Đình T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 135, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Trần Viết Q 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 30 (ba mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, các Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu xanh đen, biển kiểm soát 38K1 – 36005.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bầu.

Đặc điểm và tình trạng vật chứng có tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 31 – 10 – 2017 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo buộc các bị cáo Hoàng Đình T và Trần Viết Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Hoàng Đình T, Trần Viết Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn M, anh Trần Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các bị cáo (Q, T);
- Người bị hại (anh M, anh T1);
- VKSND huyện Kỳ Anh (2 bản);
- Chi cục THA DS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an huyện Kỳ Anh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Hoàng Ngọc Tùng